TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 16/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và Ông Lê Như Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút Ngày 16/5/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 04/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 03/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đức T**; sinh ngày 17/8/1982 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Nguyễn Thị H và 01 người con; tiền sự: Không, tiền án: Có 03 tiền án:

- Ngày 16/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 01/01/2013, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

- Ngày 28/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

- Ngày 25/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm nguy hiểm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 05/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2019 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Tiến D** (tên gọi khác Bờm), sinh ngày 14/5/1992 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được; con bà: Lê Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không, tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 27/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/9/2012, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

- Ngày 11/04/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 11/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 08/12/2009, bị Công an huyện Hương Sơn xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng (đã chấp hành xong quyết định).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

3. Họ và tên: **Hồ Thị V;** sinh ngày 04/11/1980 tại thị trấn A, huyện B, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối C, thị trấn A, huyện B, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Công B và bà Hà Thị T (đã chết); có chồng: Lý Thanh S, sinh năm 1990; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2019, đến ngày 09/4/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bão lĩnh không đặt tiền - Có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Văn D**; sinh ngày 08/3/1993 tại xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị X (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/5/2013 bị Toà án nhân dân huyện Hương Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 02/3/2014 chấp hành xong hình phạt (đã được xoá án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Ông Đinh Văn T; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

2. Ông Trần Xuân H; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị P; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Xóm T, xã A, huyện C, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn 03, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn D; sinh năm: 1960; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Đăng M; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Đào Thị D; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hùng S; sinh năm: 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân C; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn D, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Trung T; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

5. Anh Hồ Đình N; sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

6. Ông Phạm Tuấn A; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1962; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Công D; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

2. Ông Kiều T M; sinh năm: 1965; nơi cư trú: Tổ dân phố Xá, phường L, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị H; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Cao B, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

5. Ông Phạm Đình T; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

6. Ông Phạm Ngọc T; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

7. Ông Bùi Duy Q; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

8. Ông Võ Xuân T; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 12/01/2019, Lê Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu RSX, sơn màu đỏ đen (không đeo biển kiểm soát) chở Hồ Thị V đi trộm cắp tài sản. Khi đến địa phận thôn Q, xã L, huyện T thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Blade, biển kiểm soát 38D1-160.91 của anh Nguyễn Đăng M dựng trước lán xây dựng của anh Nguyễn Viết H - anh trai của anh M, chìa khóa đang giắt ở ổ khóa điện. Quan sát không thấy người trông coi, T liền đi bộ lại, nổ máy xe của anh Mạnh, thì bị anh Mạnh phát hiện truy đuổi, nên T điều khiển xe bỏ chạy, nhưng do mặt đường trơn nên bị trượt ngã. Lúc này, anh M vừa đuổi theo, vừa hô: *Cướp, cướp...* buộc T phải để xe mô tô lại và bỏ chạy bộ được khoảng 300 mét, thì bị anh Mạnh cùng với người dân bắt giữ quả tang. Còn Hồ Thị V điều khiển xe mô tô Wave RSX trốn thoát.

Tại bản Kết luận số 01/KLĐG-HĐĐGTS ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Thọ, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Blade, biển kiểm soát 38D1-160.91 trị giá 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, còn xác định được, trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2018 đến ngày 09/01/2019, Lê Đức T cùng với Lê Tiến D, Hồ Thị V và Phạm Văn D đã thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và huyện C, tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 25/12/2018, Lê Tiến D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin, sơn màu mận chín (không có biển kiểm soát) đến nhà Lê Đức T chơi. Trong lúc ngồi chơi, T nói: *Em đi với anh, có gì anh lo, em không phải lo gì cả* (ý rủ D đi trộm xe mô tô, có gì T chịu trách nhiệm). D đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô nói trên chở T đến xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An, thì T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter MX, biển kiểm soát 37V2-2717 của chị Lê Thị P đang để ở sân nhà chị P, chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa điện, nên T bảo D quay xe đi ra đường Hồ Chí Minh đứng đợi, còn mình đi vào mở khóa điện, rồi điều khiển xe mô tô lấy trộm được, còn D điều khiển mô tô nhãn hiệu Longcin cùng nhau đi về nhà T. Sau đó, T bán chiếc xe lấy trộm được cho Nguyễn Trung T, trú tại xã G, huyện V với giá 3.700.000 đồng. Sau khi chia cho D 600.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận số 03/KLĐG-HĐĐGTS ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Chương, kết luận: Chiếc xe mô tô Jupiter MX, biển kiểm soát 37V2-2717 trị giá 9.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 31/12/2018, Lê Tiến D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin chở Lê Đức T đến nhà Phạm Văn D chơi. Trong lúc ngồi chơi, T nói với Phạm Văn D: *Ta đi kiếm xe về bán lấy tiền tiêu.* Phạm Văn D đồng ý và nói với Lê Tiến D ở nhà trông nhà, còn Phạm Văn D và T đi lấy trộm tài sản. Trước khi đi, T lấy và mang theo một chiếc kìm cộng lực (đã gửi tại nhà Phạm Văn D từ trước), rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin chở Phạm Văn D đi đến thôn B, xã A, huyện T thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 38F1-

017.39 của anh Đinh Văn T đang để trong sân nhà. Quan sát không thấy người trông coi, nên D lấy kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng, rồi đi vào dắt chiếc xe nói trên ra chỗ T đang đứng đợi. T dùng vam (mang theo từ trước) phá ổ khóa điện, nhưng không khởi động được máy, nên T ngồi lên xe mô tô vừa lấy trộm, còn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin đi phía sau dùng chân đẩy xe T điều khiển đi về nhà Phạm Văn D. T dùng tuốc nơ vít tháo phần nhựa ở đầu xe đấu nối dây điện thì khởi động được máy, đồng thời tháo biển kiểm soát ra vứt lại tại nhàĐ. Sau đó, T đưa chiếc xe mô tô lấy trộm được về nhà mình và bán cho Nguyễn Xuân C, trú tại xã K, huyện H, với giá 3.200.000 đồng. Số tiền bán xe, T và Phạm Văn D chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận số 02/KLĐG-HĐĐGTS ngày 17/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Thọ, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 38F1-017.39 trị giá 7.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 06/01/2019, Lê Đức T rủ Lê Tiến D đi lấy trộm xe mô tô, D đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T mang theo một chiếc kìm cộng lực, một chiếc tuốc nơ vít đựng trong chiếc túi du lịch bằng vải màu đen và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin chở D đi đến thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An, thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, biển kiểm soát 37E1 - 360.84 của anh Nguyễn Văn T đang để trong sân. T lấy kìm cộng lực cắt khóa cổng, rồi đi vào dắt chiếc xe này ra ngoài chỗ D đang đứng đợi, nhưng không khởi động được máy, nên D ngồi lên xe vừa trộm được, còn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Longcin đi phía sau dùng chân đẩy xe mô tô do D điều khiển đi về hướng huyện H. Trên đường về, T vào một tiệm sửa xe (không xác định được của ai) để đấu nối dây điện và khởi động được máy, rồi đưa xe về nhà T. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho Nguyễn Trung T, nói: *Em có con xe Sirius RC, anh có mua không*. Nguyễn Trung T đồng ý và sau khi nhìn thấy chiếc xe Sirius, Nguyễn Trung T đề nghị đổi chiếc xe Jupiter MX mà T đã bán trước đó cho mình và Nguyễn Trung T đưa thêm số tiền 2.000.000 đồng. T đồng ý, lấy 2.000.000 đồng và đưa xe mô tô Sirius cho Nguyễn Trung T, đồng thời lấy xe mô tô Jupiter MX đi về, bán cho Hồ Đình N, trú tại xã S, huyện H với giá 3.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán xe, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận số 04/KLĐG-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 37E1-360.84, trị giá 12.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 00 giờ ngày 07/01/2019, Lê Đức T gọi điện thoại cho Lê Tiến D, nói: *Đón anh ở ngã ba xã Y, huyện H.* D đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Longcin chở T. Khi đến địa phận xã L, huyện Hơn, thì T phát hiện một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter V, biển kiểm soát 75H3-8766 của ông Nguyễn D, trú tại thôn P, xã L, huyện H (đưa đến sửa tại tiệm sửa xe của anh Phạm Đình T). Quan sát không thấy người trông coi, T lấy chiếc xe này đưa về bán cho Phạm Tuấn A, trú tại xã A, huyện T với giá 2.000.000 đồng. Còn D điều khiển xe của mình đi về nhà. Số tiền bán xe, T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận số 06/KLĐG-HĐĐGTS ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Thọ, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter V, biển kiểm soát 75H3-8766, trị giá 3.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 20 giờ ngày 08/01/2019, Lê Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX (xe lấy trộm của chị Lê Thị P) đến nhà Hồ Thị V chơi. Đến khoảng 02 giờ ngày 09/01/2019, T điều khiển xe mô tô nói trên chở V đi sang huyện T. Trên đường đi, T nói: *Nếu thấy xe ta lấy bán* (ý rủ V lấy trộm xe mô tô). V đồng ý. Khi đi đến thôn T, xã C, huyện T, thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 38D1-060.95 của anh Trần Xuân H để trong sân, nhưng cổng đang khóa, nên T dùng kìm cộng lực mang theo từ trước cắt khóa cổng đi vào dắt xe ra chỗ V đứng đợi. T dùng vam phá ổ khóa điện, nhưng không được. Sau đó, T dùng tuốc nơ vít tháo phần nhựa đấu nối dây điện, thì khởi động được máy, V điều khiển xe lấy trộm được, còn T điều khiển xe Jupiter cùng đi về nhà T. Trên đường về, T dùng tuốc nơ vít (mang theo sẵn từ trước) tháo biển số vứt xuống sông N và để cho V sử dụng chiếc xe lấy trộm được làm phương tiện đi lại.

Tại bản Kết luận số 02/KLĐG-HĐĐGTS ngày 17/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Thọ, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 38D1-060.95 trị giá 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 10/CTr-VKSĐT ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố bị cáo Lê Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Lê Tiến D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hồ Thị V và Phạm Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng tuy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng : Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 05 (Năm) 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/01/2019).

- Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s,r Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Lê Tiến D mức án 03 (Ba) năm 06 tháng đến 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Thị V mức án 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị áo thi hành án (Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến ngày 09/4/2019).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Phạm Văn D mức án 12 (Mười

hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (15/01/2019).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, b, c Khoản 2; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hồ Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 gậy ba khúc bằng kim loại, chiều dài 60cm; 01 đôi giày vải màu trắng; 01 chiếc tuốc nơ vít dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 20cm; 01 túi du lịch bằng vải màu đen, bên ngoài có in chữ T90 màu trắng, dài 50cm, rộng 27cm, cao 30cm; 01 chiếc kìm cộng lực dài 46,5cm, phần cán dài 35,5cm, sơn màu xanh có tay cầm bằng nhựa màu đen.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính của Lê Đức T 12.500.000đ; bị cáo Lê Tiến D 600.000đ; bị cáo Phạm Văn D 1.600.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến hay không khiếu nại gì về các Quyết định, hành vi của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2].Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2018 đến ngày 12/01/2019, Lê Đức T cùng với Lê Tiến D, Hồ Thị V, Phạm Văn D đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và huyện C, tỉnh Nghệ An với tổng số tiền đã chiếm đoạt được là 52.000.000 đồng. Trong đó, Lê Đức T tham gia thực hiện 06 lần phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt được là 52.000.000 đồng; Lê Tiến D tham gia thực hiện 04 lần phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.000.000 đồng; Hồ Thị V tham gia thực hiện 02 lần phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.000.000 đồng; Phạm Văn D tham gia 01 lần phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.000.000 đồng. Lời khai các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợpvới lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với

lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có tại hồ sơ cúng như tang vật thu hồi được.

Bị cáo Lê Đức T thực hiện 06 hành vi, lấy trộm 06 xe máy với tổng trị giá của 06 chiếc xe máy là 52 triệu đồng. Hành vi của Lê Đức T đã phạm vào Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ). Ngày 16/5/2012, Lê Đức T bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 01/01/2013, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích). Ngày 28/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 24/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích). Ngày 25/6/2015, Lê Đức T bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm nguy hiểm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội; nên hành vi lần này của Lê Đức T thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Lê Đức T là đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập bằng nguồn khác, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp "Có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vây, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức T phạm tội " Trộm ắp tài sản" với 03 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Tiến D ngày 27/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/9/2012, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích). Ngày 11/04/2014, Lê Tiến D bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xác định tái phạm xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 11/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù . Tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp xe máy thì Lê Tiến D chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự đây là tình tiết định khung tặng nặng. Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Tiến D đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Hồ Thị V và Phạm Văn D đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất hành vi; vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; nhân thân của các bị cáo:

Trong vụ án này, Lê Đức T là người rủ rê người khác thực hiện hành vi phạm tội, chuẩn bị công cụ phạm tội (vam phá khóa, tuốc nơ vít, kìm cộng lực), thực hiện cả 06 lần phạm tội, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 52.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 12.500.000 đồng, bản thân không có nghề nghiệp, thu nhập, mà sử dụng số tiền do phạm tội mà có làm nguồn sống chính, nên giữ vài trò chính. Lê Tiến D là người tiếp nhận ý chí của người khác, tích cực tham gia thực hiện 04 lần phạm tội, với giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.000.000 đồng, sử dụng xe mô tô của mình đi trộm cắp tài sản và hưởng lợi số tiền 600.000 đồng, nên giữ vai trò sau T. Hồ Thị V

tích cực tham gia thực hiện 02 lần phạm tội, với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 21.000.000 đồng, được sử dụng xe trộm cắp làm phương tiện đi lại. Còn Phạm Văn D tích cực, trực tiếp và chủ động thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe mô tô, với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 7.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 1.600.000 đồng, nên giữ vai trò ngang với Hồ Thị V và sau Lê Tiến D.

Các bị cáo Lê Đức T, Hồ Thị V và Lê Tiến D thực hiện 02 hành vi phạm tội trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn D không có tình tiết tăng nặng.

Tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Đức T, Lê Tiến D và Hồ Thị V trong quá trình điều tra đã tự thú các hành vi phạm tội khác của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm r Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn D đã tới cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ vì động cơ muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mặc dù nhận thức được là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; điều đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật.

Xét tính chất vụ án, hậu quả của hành vi, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp.

[5]. Về xem xét trách nhiệm của những người liên quan

Trong vụ án này, các đối tượng Nguyễn Xuân C, Hồ Đình N, Phạm Tuấn A đã có hành vi mua xe mô tô do các bị can đem bán; Nguyễn Thị T đã có hành vi cho người khác (Nguyễn Trung T) gửi xe mô tô tại nhà mình, nhưng đều không biết được nguồn gốc tài sản là do trộm cắp mà có, nên đều không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối tượng Nguyễn Trung T đã có hành vi mua hai chiếc xe mô tô do bị can Lê Đức T đem bán là có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng hiện nay Nguyễn Trung T không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Nguyễn Trung T để điều tra, xử lý sau.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, b, c Khoản 2; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Quá trình phạm tội các bị cáo được hưởng số tiền: Lê Đức T 12.500.000 đồng, Lê Tiến D 600.000đ, Phạm Văn D 1.600.000đ đây là khoản tiền do phạm mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng (thu giữ từ Hồ Thị V) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Hồ Thị V theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 gậy ba khúc bằng kim loại, chiều dài 60cm; 01 đôi giày vải màu trắng; 01 chiếc tuốc nơ vít dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 20cm; 01 túi du lịch bằng vải màu đen, bên ngoài có in chữ T90 màu trắng, dài 50cm, rộng 27cm, cao 30cm; 01 chiếc kìm cộng lực dài 46,5cm, phần cán dài 35,5cm, sơn màu xanh có tay cầm bằng nhựa màu đen là công cụ phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 47; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, đã xác định được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, số máy JC52E-5342342, số khung RLHJC5229CY790752 là của anh Trần Xuân H; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, số máy RLHJC5229CY671378, số khung JC52E-5120868 là của bà Kiều Thị M, trú tại phường L, Thị xã K (mẹ vợ anh Đinh Văn T) đã cho vợ chồng anh T, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter V, biển kiểm soát 75H3 - 8766 là của anh Nguyễn Cao B (con trai ông Nguyễn D) mua của anh Huỳnh Văn D, trú tại số 20 đường Nguyễn Thái T, thành phố H, tỉnh K cho ông D, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, số máy 1FC3-148648, không xác định được số khung là của gia đình anh Nguyễn Văn T (đăng ký chủ sở hữu chị Trần Thị H - vợ anh T); chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX, số máy 055453, không xác định được số khung là của chị Lê Thị L, trú tại xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An bán cho chị Lê Thị P, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 38D1-160.91 là của gia đình anh Nguyễn Đăng M (đăng ký chủ sở hữu chị Đào Thị D - vợ anh M). Cơ quan điều tra đã trả lại 06 chiếc xe mô tô nói trên cho các chủ sở hữu là phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Longcin, số máy 150FM601011041, số khung 1TBX681B121203710 là của anh Kiều Minh H, trú tại phường K, thị xã K bán cho anh Nguyễn Hùng S, trú cùng phường, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và bị mất trộm vào năm 2015, nhưng đến nay chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã tách vật chứng, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hồng Lĩnh để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Còn 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc của Lê Đức T, 01 chiếc của Lê Tiến D) các bị cáo sử dụng liên lạc; vam phá khóa dùng vào việc phạm tội; 04 chiếc biển kiểm soát, gồm: biển 37V2-2717, biển 37E1-360.84, biển 38D1-060.95, biển 38F1-

017.39, mà các bị caó đã vứt trên đường chạy trốn hoặc đi tiêu thụ tài sản, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không thu giữ được.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại xe, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu bồi thường gì nên miễn xét.

[8]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.Điểm a Khoản 1 Điều 3; Điều 6; Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đức T, Lê Tiến D, Hồ Thị V và Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng : Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 05 (Năm) 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/01/2019).

- Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s,r Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Lê Tiến D (tên gọi khác Bờm) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Thị V mức án 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị áo thi hành án (Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến ngày 09/4/2019).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (15/01/2019).

2. Về xử biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a,b, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c Khoản 2; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Hồ Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu vàng.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 gậy ba khúc bằng kim loại, chiều dài 60cm; 01 đôi giày vải màu trắng; 01 chiếc tuốc nơ vít dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 20cm; 01 túi du lịch bằng vải màu đen, bên ngoài có in chữ T90 màu trắng, dài 50cm, rộng 27cm, cao 30cm; 01 chiếc kìm cộng lực dài 46,5cm, phần cán dài 35,5cm, sơn màu xanh có tay cầm bằng nhựa màu đen.

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện Đức Thọ và chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính: Lê Đức T 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), Lê Tiến D 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), Phạm Văn D 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Đức T, Lê Tiến D, Hồ Thị V và Phạm Văn D mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2019). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- CQCSĐT Công an Đức Thọ;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- THA hình sự;
- Bị cáo; người bị hại; người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ; lưu trữ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Phương Như